

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo

2. Bà Trương Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hương L- Sinh năm: 1982.

Bị đơn: Anh Đào Quang N – Sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị L và anh N vắng mặt (chị L, anh N xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Chị kết hôn với anh Đào Quang N năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh N không tôn trọng chị, thường xuyên đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Chị và anh N đã bắt đầu sống ly thân nhau từ tháng 01/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là Đào Thị Thu N, sinh ngày 09/5/2014, Đào Thị Thuỳ N, sinh ngày 28/02/2017 và Đào Nguyên S, sinh ngày 09/8/2019. Chị đề nghị được nuôi cháu S, để anh N nuôi cháu N và cháu N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Đào Quang N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh N trình bày phù hợp với lời khai của chị L. Sau khi kết hôn anh và Chị L chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống hôn nhân gia đình nhiều lúc có nhiều khó khăn nhưng Chị L không vượt qua được, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, có xảy ra cãi vã. Nay Chị L xin ly hôn anh xác định không còn tình cảm với Chị L nhưng anh không muốn ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Anh xác nhận anh và Chị L có 03 con chung như Chị L đã trình bày, anh đề nghị được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được các vấn đề trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn của chị L, anh N đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Đào Quang N có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh N nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh N đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị L, anh N được xác lập vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Anh N, Chị L đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2021 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn Anh N, anh N mặc dù không còn tình cảm với Chị L nhưng anh không đồng ý ly hôn Chị L vì muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị L, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L xử cho chị L, anh N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L, anh N có 03 con chung là Đào Thị Thu N, sinh ngày 09/5/2014, Đào Thị Thuỳ N, sinh ngày 28/02/2017 và Đào Nguyên S, sinh ngày 09/8/2019. Chị L đề nghị được nuôi cháu S, để anh N nuôi cháu N và cháu N. Anh N đề nghị được nuôi cả ba con chung. HĐXX xét thấy, cháu S còn nhỏ tuổi (dưới 36 tháng tuổi), cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ và Chị L cũng có nguyện vọng được nuôi cháu S, để anh N nuôi cháu N, cháu Ngát. Anh N có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung, bản thân cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cũng như quyền lợi của các con chung của chị L, Anh N, HĐXX thấy cần giao cháu S cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N, cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị L, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương L và anh Đào Quang N.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Nguyên S, sinh ngày 09/8/2019 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Đào Thị Thu N, sinh ngày 09/5/2014, Đào Thị Thuỳ N, sinh ngày 28/02/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001667, ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị Hương L và anh Đào Quang N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**Nguyễn Thị Minh Tâm**